

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 37/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26-7-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Thắng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Minh Nghiệp

2. Ông Nguyễn Văn Tuyền

- Thư ký phiên toà: Ông Đỗ Trọng Tú- Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thanh Nga-Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê-tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 17/2018/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2018/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Cao C - sinh năm: 1983; cư trú tại: Khu 08, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.

- Bị đơn: Chị Hoàng Thị Hoa L - sinh năm 1986; cư trú tại: Khu 08, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/02/2018 và trong quá trình giải quyết, xét xử nguyên đơn là anh Nguyễn Cao C trình bày: Anh Cường và chị Hoàng Thị Hoa L tự nguyện kết hôn với nhau ngày 18/02/2004, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với bố mẹ đẻ anh C tại xã T, huyện C

đến tháng 10/2004, vợ chồng ở riêng. Khoảng đầu năm 2011, chị L bỏ nhà đi theo người đàn ông khác. Ngày 05/9/2013, anh C nhận được tin là chị L bị xử phạt tù 12 tháng về tội môi giới mại dâm. Khoảng tháng 09/2014, anh C biết chị L chấp hành án xong, nhưng chị L không về nhà với anh C và các con, mà đi đâu, làm việc gì thì anh C không biết. Từ đó, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm tới nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên anh C yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị L.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2018 và quá giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị Hoa L trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống của vợ chồng như anh C trình bày là đúng. Theo chị L, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2009. Nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu và đánh, chửi chị. Do không chịu đựng được cách cư xử của anh C, nên chị L đi khỏi nhà và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm tới nhau. Nay anh C yêu cầu ly hôn, chị L cũng đồng ý.

Về con chung: Anh C, chị L trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Bích H - sinh ngày 11/3/2005 và Nguyễn Hữu T - sinh ngày 12/4/2008. Con chung sống cùng anh C từ năm 2009 đến nay. Ly hôn, hai bên thỏa thuận là anh C trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến khi đủ 18 tuổi và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết

Chị Hoàng Thị Hoa L trình bày: Vợ chồng có tài sản chung là quyền sử dụng 505, 9 m² đất tại khu 08, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trên đất có nhà ở của vợ chồng. Ly hôn, chị L yêu cầu chia đôi thửa đất trên, chị xin sử dụng phần đất không có nhà, còn phần đất có nhà thì để anh C sử dụng và không yêu cầu anh C thanh toán chênh lệch tài sản cho chị.

Về nghĩa vụ chung về tài sản; công sức: Hai bên trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến và xác định:

- Về tố tụng dân sự: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn nhiều lần không chấp hành Giấy báo của Tòa án và không nộp chi phí tố tụng là chấp hành pháp luật chưa nghiêm túc, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Cao C và chị Hoàng Thị Hoa L.

2. *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Thị Bích H - sinh ngày 11/3/2005 và Nguyễn Hữu T - sinh ngày 12/4/2008 cho anh Nguyễn Cao C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị Hoa L không phải cấp dưỡng nuôi con, vì anh Nguyễn Cao C không yêu cầu.

3. *Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, công sức*: Không đề cập giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Nguyễn Cao C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Cao C và chị Hoàng Thị Hoa L đảm bảo các quy định về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên đó là hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa cho thấy, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ khoảng đầu năm 2011. Nguyên nhân do không hợp nhau về quan điểm sống, lối sống, nên chị L đi khởi nhà và từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng trong thực tế không còn, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên hai bên thuận tình ly hôn là có căn cứ, cần chấp nhận.

[2]. *Về con chung*: Sự thỏa thuận của các đương sự về con chung phù hợp với nguyện vọng của con chung và đảm bảo được ổn định sự phát triển của con chung,

cần chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con chung, do anh C không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[3]. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, còn bị đơn không nộp chi phí tố tụng (Tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là quyền sử dụng đất), nên không đề cập giải quyết.

[4]. *Nghĩa vụ chung về tài sản và công sức*: Các đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Anh Nguyễn Cao C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 55; Điều 58; Khoản 1, 2 Điều 81; Khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật thi hành án dân sự;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Cao C và chị Hoàng Thị Hoa L.

2. Về con chung:

2.1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau: giao con chung là Nguyễn Thị Bích H - sinh ngày 11/3/2005 và Nguyễn Hữu T - sinh ngày 12/4/2008 cho anh Nguyễn Cao C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị Hoa L không phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì anh Nguyễn Cao C không yêu cầu.

2.2. Chị Hoàng Thị Hoa L có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Cao C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí 008116 ngày 28/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh C đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao cho bị đơn hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2b);
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Tùng Khê;
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Vũ Văn Thắng